

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần VRG đá Bình Định
Năm báo cáo 2013

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VRG ĐÁ BÌNH ĐỊNH

Tên giao dịch: VRG BINHDINHSTONE J.S COMPANY (BDS)

Trụ sở chính: Khu vực 6, phường Trần Quang Diệu, Tp. Quy Nhơn, Bình Định.

Điện thoại: 0562210463-2210354/0566294719 Fax: 0563.841202

Website: www.binhdinghgrainte.com

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4100511157 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 15/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06/5/2011.

Vốn điều lệ: 47.500.000.000 đồng (Bốn mươi bảy tỷ năm trăm triệu đồng)

Mã cổ phiếu: Chưa niêm yết

2. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty cổ phần VRG Đá Bình Định là một Công ty cổ phần hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2005.

2.1. Quá trình hình thành và phát triển của C. ty được chia thành các giai đoạn sau:

Khi mới thành lập: Công ty có tên Công ty đá, cát, sỏi số 1 được thành lập theo quyết định số: 2195/QĐUB ngày 29/11/1977 của UBND tỉnh Nghĩa Bình. Căn cứ vào quyết định thành lập cho đến nay quá trình hình thành Công ty được chia thành các giai đoạn sau:

Giai đoạn 1: Từ khi thành lập đến tháng 6/1984 Công ty có chức năng và nhiệm vụ chính là tổ chức, sản xuất theo chỉ tiêu, kế hoạch các loại sản phẩm phục vụ cho nhu cầu xây dựng thủy lợi và giao thông.

Giai đoạn 2: UBND tỉnh Bình Định ra quyết định số: 957/QĐUB ngày 12/6/1984 thành lập công ty đá, cát sỏi Nghĩa Bình, với chức năng và nhiệm vụ sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm như trên. Ngoài ra còn bổ sung đầu tư hệ máy 739-740 để xay đá các loại nhằm phục vụ cho nhu cầu trong tỉnh.

Giai đoạn 3: Do tách tỉnh Nghĩa Bình thành 2 tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi. UBND tỉnh Bình Định ra quyết định số: 618/QĐUB ngày 15/4/1989 tách thành Công ty đá, cát, sỏi Bình Định và Công ty đá, cát, sỏi Quảng Ngãi. Mặt hàng Công ty sản xuất trong giai đoạn này là: đá chẻ, đá dăm các loại, đá rửa. Đồng thời Công ty cũng gia công sản xuất đá khối.

Giai đoạn 4: Thực hiện quyết định số: 2610/QĐUB ngày 28/12/1992 của UBND tỉnh Bình Định về việc thành lập doanh nghiệp nhà nước lấy tên là: Công ty đá Bình Định với nhiệm vụ là khai thác và chế biến các loại đá.

Giai đoạn 5: Thực hiện quyết định số: 1649/QĐUB ngày 09/5/1994 của UBND tỉnh Bình Định về việc sáp nhập hai đơn vị là: Công ty vật tư xây dựng Bình Định và Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Phù Mỹ vào Công ty Đá Bình Định với chức năng: khai thác và

chế biến đá các loại, kinh doanh vật liệu xây dựng.

Giai đoạn 6: Căn cứ quyết định số 198/QĐUB ngày 24/01/2000 của UBND tỉnh Bình Định về việc chuyển giao Công ty đá Bình Định về Tổng Công ty xây dựng Miền Trung, vì vậy được đổi tên thành Công ty đá ốp lát và xây dựng. Tên giao dịch quốc tế: CONSTRUCTION AND SLABSTONE COMPANY. Tên viết tắt: COSTOCO.

Giai đoạn 7: Căn cứ quyết định số: 1579/QĐ-BXD ngày 19/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng về việc chuyển doanh nghiệp Công ty đá ốp lát và xây dựng thuộc Tổng Công ty xây dựng Miền Trung thành Công ty cổ phần đá ốp lát và xây dựng COSEVCO. Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần đá ốp lát và xây dựng COSEVCO. Tên giao dịch quốc tế: COSEVCO CONSTRUCTION AND SLABSTONE JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt: COSTOCO.

Giai đoạn 8: Từ ngày 28/01/2008 đến nay, căn cứ nghị quyết của Đại hội cổ đông bất thường Công ty cổ phần đá ốp lát và xây dựng COSEVCO ngày 21/01/2008 đổi tên Công ty cổ phần đá ốp lát và xây dựng COSEVCO thành tên Công ty cổ phần VRG đá Bình Định.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

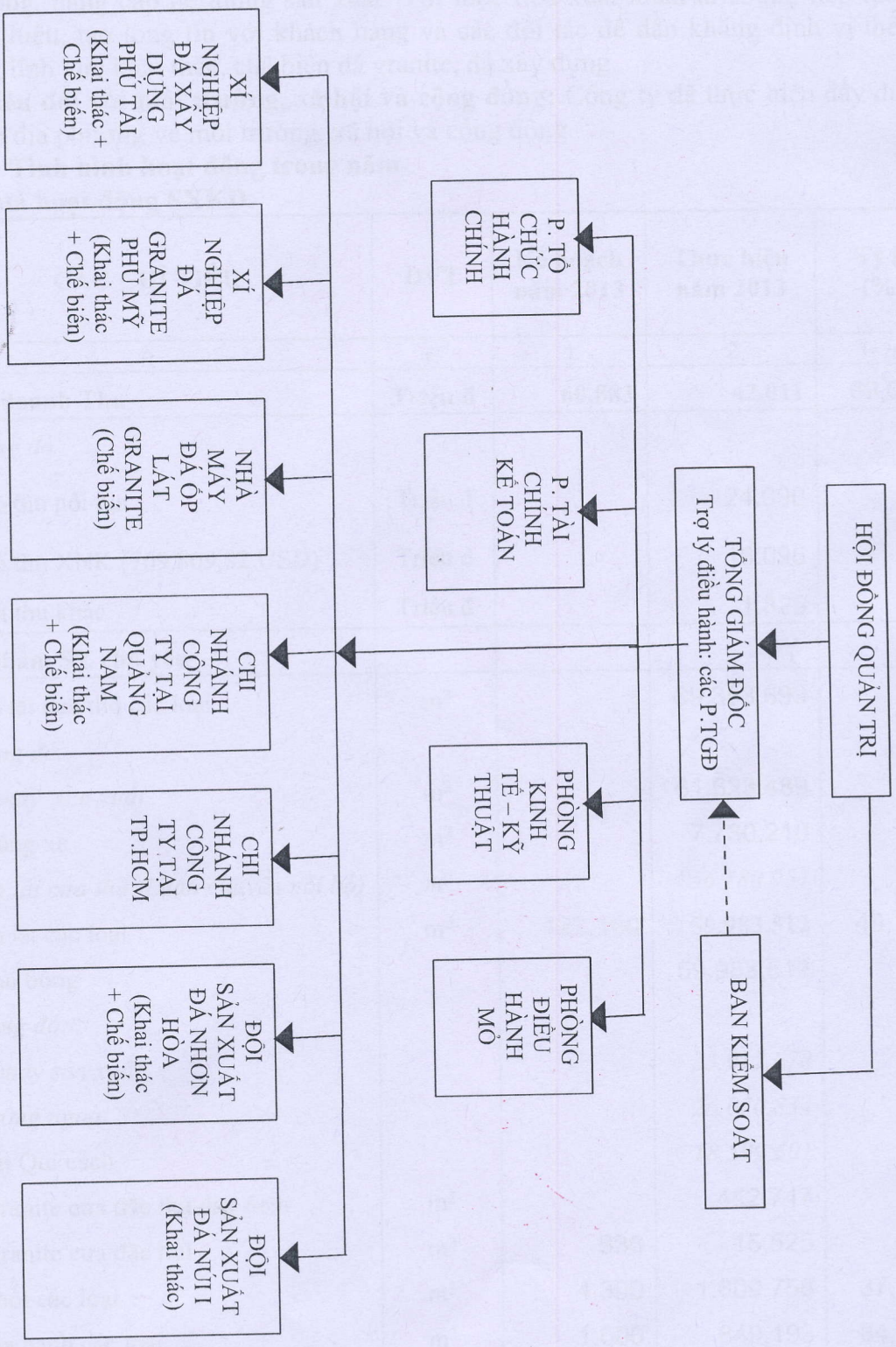
- Ngành nghề kinh doanh:

- + Khai thác mỏ, sản xuất đá ốp lát và đá xây dựng.
- + Sản xuất và kinh doanh đá thủ công mỹ nghệ
- Địa bàn kinh doanh
 - + Thị trường xuất khẩu: Thổ Nhĩ Kỳ, Đài Loan, Canada
 - + Thị trường nội địa: TP HCM, Hà Nội

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty cổ phần

- Sơ đồ quản lý công ty



5. Định hướng phát triển

- **Mục tiêu chủ yếu của công ty trong năm 2014:** Tiếp tục duy trì và tăng cường SXKD, phấn đấu đạt mức tăng trưởng 20% so với năm 2013 cả về 2 doanh số lẫn sản lượng

- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:** Trong năm 2014 và các năm tiếp theo, tiếp tục đầu tư mở rộng, nâng cấp hệ thống sản xuất. Với mục tiêu xuất khẩu là chính, tiếp tục xây dựng thương hiệu, tạo lòng tin với khách hàng và các đối tác để dần khẳng định vị thế của công ty trong lĩnh vực khai thác, chế biến đá granite, đá xây dựng.

- **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:** Công ty đã thực hiện đầy đủ các đóng góp cho địa phương về môi trường, xã hội và cộng đồng.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Kết quả hoạt động SXKD

Số TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	Tỷ lệ (%)
A	B	C	1	2	3=2/1
I	Tổng doanh Thu	Triệu đ	60.883	42.011	69,00%
	<i>* Trong đó</i>				
1	Doanh thu nội địa	Triệu đ		24.090	
2	Doanh thu XNK (769.809,82 USD)	Triệu đ		16.096	
3	Doanh thu khác	Triệu đ		1.825	
II	Sản phẩm SX chủ yếu				
1	Đá ốp lát cửa thô các loại	m ²		69.353,699	
	<i>* Trong đó:</i>				
a	Nhà máy sản xuất	m ²		61.623,489	
b	Gia công xẻ	m ²		7.730,210	
	Đá ốp lát cửa thô (Luân chuyển nội bộ)	m ²		56.780,951	
2	Đá ốp lát các loại	m ²	122.100	59.983,512	49,13%
	Đá mài bóng			59.983,512	
	<i>* Trong đó:</i>				
a	Nhà máy sản xuất			33.912,678	
b	Gia công ngoài			26.070,834	
	Đá cắt Qui cách			18.599,601	
3	Đá Granite cửa đặc thù dày 6cm	m ²		442,747	
4	Đá Granite cửa đặc thù	m ³	936	15,525	
5	Đá khối các loại	m ³	4.300	1.609,756	37,44%
6	Đá bìa bạnh các loại	m ³	1.000	849,193	84,92%
7	Đá xây dựng các loại	m ³	34.300	25.250,600	73,62%
8	Đá Cubic và đá tấm	m ³	1.900	2.717,203	143,01%

9	Đá Bazan	m ³		86,903	
III	Sản phẩm tiêu thụ chủ yếu				
1	Đá ốp lát cửa thô dày 3cm			22,26	
2	Đá ốp lát các loại	m ²	122.100	57.756,508	47,30%
a	Đá mài bóng	"		40.306,904	
b	Đá cắt qui cách	"		17.026,209	
c	Đá khò lửa	"		423,395	
3	Đá Granite cửa đặc thù dày 6cm	m ²		293,100	
4	Đá Granite cửa đặc thù	m ³	936	15,185	
					1126,67
5	Đá khối các loại	m ³	50	563,334	%
6	Đá bạnh các loại	m ³		24,590	
7	Đá xây dựng các loại	m ³	34.300	28.776,000	83,90%
8	Đá Cubic và đá tấm	m ³	1.900	2.717,203	143,01%
9	Đá Bazan	m ³		86,903	
10	Bàn bếp	Bộ		310	
11	Khung hàng rào sắt	Cái		400	
12	Khung cửa sắt	Cái		66	
13	Thùng sắt	Cái		8	

Như vậy, so với KH thì tình hình thực hiện không đạt như mong muốn nhưng so với năm 2012 thì có sự phát triển mạnh về doanh thu, qui mô tiêu thụ, nhất là đối với mặt hàng đá slab, đá cubic.

-Doanh thu cả năm 2013 là 42,011 tỷ, đạt 69% so với kế hoạch đã đề ra. Lợi nhuận ước năm 2013 lỗ 4,315 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

- Hội đồng quản trị:
 - + Ông Phạm Văn Thành: Chủ tịch HĐQT
 - + Ông Lê Văn Mừng: Thành viên HĐQT
 - + Ông Lê Văn Bạch: Thành viên HĐQT
 - + Nguyễn Mai Đức: Thành viên HĐQT
 - + Nguyễn Đức Dũng: Thành viên HĐQT
- Ban kiểm soát:
 - + Ông Đào Thanh Phong: Trưởng ban kiểm soát
 - + Ông Phạm Văn Sa: Ủy viên BKS
 - + Ông Lê Văn Minh: Ủy viên BKS
- Ban điều hành công ty
 - + Ông Lê Trung Tín: Tổng giám đốc
 - + Ông Nguyễn Khánh Hồng: Phó TGD
 - + Ông Phạm Cửu Huỳnh: Phó TGD

- + Ông Trương Văn Năm: Phó TGD
- + Ông Trần Quốc Dũng: Kế toán trưởng
- Nhân sự đóng BHXH đầu năm 2013 là 78 người, đến cuối 2013 còn 73 người.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết của các cán bộ quản lý trong Ban điều hành:

TT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CP	TỶ LỆ %
1	Lê Trung Tín	TGD	8.750	0,18%
2	Nguyễn Khánh Hồng	P.TGD	7.250	0,15%
3	Phạm Cửu Huynh	P.TGD	0	0%
4	Trương Văn Năm	P.TGD	0	0%
5	Trần Quốc Dũng	KTT	0	0%

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	đvt	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	vnđ	94.670.082.013	99.293.304.168	4,88%
Doanh thu thuần	vnđ	24.745.770.144	42.010.990.034	69,77%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	vnđ	914.639.885	(4.731.574.655)	(617,31%)
Lợi nhuận khác	vnđ	11.977.301	757.356.776	6223%
Lợi nhuận trước thuế	vnđ	926.617.186	(3.974.217.879)	(528,89%)
Lợi nhuận sau thuế	vnđ	926.617.186	(4.315.194.294)	(565,69%)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,96	0,92	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,55	0,49	
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,55	0,62	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,23	1,61	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u>	0,97	1,46	
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,26	0,42	

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,04	(0,10)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,02	(0,11)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,01	(0,04)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,04	(0,10)	

4. Cơ cấu cổ đông

a. **Cổ phần:** Số lượng cổ phần là 4.750.000 cổ phần, mệnh giá: 10.000đồng/CP.

b. **Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ nắm giữ:**

STT	Nhóm cổ đông	Số lượng (cổ đông)	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ
1	Cổ đông là tổ chức	1	400.000	8,421%
2	Cổ đông là cá nhân	92	4.350.000	91,579%
	- Cán bộ CNV Công ty	35	34.289	0,722%
	- Cổ đông bên ngoài	57	4.315.711	90,857%
3	- Cổ phiếu quỹ			

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần:

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (VNĐ)	TỶ LỆ
1	Công ty Cổ phần Xây Dựng Tổng Hợp Khai Nguyên	351/31 – Nơ Trang Long – P. 13 - Q. Bình Thạnh – Tp.HCM	400.000	4.000.000.000	8,42%
2	Phạm Văn Thành	429/16 – Điện Biên Phủ - P.25 – Q. Bình Thạnh – Tp.HCM	949.987	9.499.870.000	20,00%
3	Nguyễn Xuân Hiền	51A Đinh Bộ Lĩnh – Phường 25, Quận Bình Thạnh – Tp HCM	755.350	7.553.500.000	15,90%
4	Trần Kiên Quyết	10B – Nguyễn Ư Dĩ – Thảo Điền – Q.2 – Tp. HCM	450.000	4.500.000.000	9,47%
5	Thân Trọng Vinh	TP. Pleuku - Gia Lai	258.890	2.588.900.000	5,45%

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc

1. Đánh giá hoạt động SXKD trong năm

* Thuận lợi:

- Được sự hỗ trợ rất lớn của Chủ tịch HĐQT về nguồn vốn.
- Thị trường xuất khẩu đá Slab ổn định.
- Các mỏ đá được tiếp tục gia hạn và đã được cấp mới, riêng mỏ Phù Mỹ chưa hoàn thành thủ tục lâu dài vì vướng cơ chế mới, đã gia hạn 1 năm.
- Công trình xây dựng trong nước đã bước đầu khởi động lại.

* Khó khăn:

- Sản lượng khai thác đá khối năm 2013 không như mong đợi. Doanh thu chính chỉ dựa vào nguồn đá trắng từ mỏ Mỹ Hòa. Đá đỏ hiện vẫn không khai thác được. Đá đen sản lượng khai thác thấp, chủ yếu là đá mồ côi.

- Giá điện, chi phí nước, giá xăng dầu, giá vật tư phục vụ sản xuất liên tục tăng.

- Việc phải hoàn thành nộp tất cả các khoản nợ thuế, phí để có thể làm thủ tục mỏ lâu dài (vì tất cả các mỏ hầu như đã hết được gia hạn) gây khó khăn về nguồn vốn.

- Trong năm 2013, Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh do sự thay đổi của các chính sách từ trung ương đến địa phương trong lĩnh vực khai thác chế biến khoáng sản cộng với thiệt hại & đình trệ do tai nạn lao động. Cụ thể như sau:

TT	KHOẢN MỤC	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	CHÊNH LỆCH
1	Tiền thuê đất	vnđ	772.729.137	1.600.415.941	827.686.804
2	Tiền ký quỹ (hạch toán)	vnđ	91.927.635	634.700.021	542.772.386
3	Chi phí giao dịch	vnđ	573.668.000	698.000.000	124.332.000
4	Lập HS kỹ thuật mỏ	vnđ	295.603.000	516.737.000	221.134.000
5	Tiền phạt & truy thu thuế	vnđ		399.227.537	399.227.537
6	Chi phí TNLĐ	vnđ		400.000.000	400.000.000
7	Chi phí quản lý	vnđ	840.022.117	1.794.884.814	954.862.697
8	Chi phí lãi vay	vnđ	2.343.255.731	4.003.420.638	1.660.164.907
	CỘNG		4.917.205.620	10.047.385.951	5.130.180.331

- Tiền thuê đất: Tăng đột biến, chủ yếu ở 2 mỏ nghiền sàng (từ 2.700 đồng/m² lên 8.000đồng/m²)

- Tiền ký quỹ môi trường: Tăng mạnh do đã hoàn tất xong thủ tục lâu dài cho 2 mỏ nghiền sàng.

- Các chi phí thủ tục mỏ khác: Tăng lên do năm nay là năm phải hoàn thành thủ tục mỏ lâu dài cho tất cả các mỏ từ khoan trữ lượng đến DTM...Muốn hoàn tất từng công đoạn đều phải hoàn thành các nghĩa vụ cho nhà nước.

- Tiền phạt thuế và truy thu thuế trả cho những năm 2006.

- Chi phí lãi vay tăng cao do phải tăng cường các nguồn và khoản vay trong điều kiện sản lượng khai thác rất thấp so với kế hoạch. Mặt khác, do phải dùng vốn vay ngắn hạn để chi trả cho nợ vay trung hạn đến hạn và vay vốn để duy trì sản xuất, trả nợ. Các khoản vay đến hạn trong điều kiện nguồn thu hạn chế đã làm cho dư nợ và chi phí tài chính càng cao.

- Bộ máy quản lý năm 2013 còn cồng kềnh, việc tái cơ cấu nhân sự và tinh giảm biên chế đến đầu năm 2014 bắt đầu mới có hiệu quả.

- Chi nhánh Quảng Nam, Núi 1 đều thua lỗ.

Kết quả:

-Doanh thu cả năm 2013 là 42,011 tỷ, tăng trưởng doanh thu 69% so với năm 2012. Lợi nhuận ước năm 2013 lỗ 4,315 tỷ đồng.

-Đã tinh giảm biên chế đáng kể lực lượng lao động dôi dư.

-Đã định hình được thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, sản xuất liên tục. Mô hình quản lý sản xuất, tiêu thụ dần được hoàn thiện.

-Công suất chế biến đã nâng lên đạt mức phân đầu là xấp xỉ 6.000m²/tháng tại nhà máy Phú Tài, xấp xỉ 2.500m²/tháng tại nhà máy Phù Mỹ.

2. Tình hình tài chính

2.1 Thuận lợi -khó khăn trong lĩnh vực tài chính tại công ty năm 2013:

a. Thuận lợi:

Sự chỉ đạo sát sao về chủ trương và sự hỗ trợ vốn kịp thời của Chủ Tịch HĐQT công ty.

Lãi suất vay vốn ngân hàng được điều chỉnh giảm dần. Lãi vay vốn lưu động từ 12% đầu năm xuống còn 9%; lãi vay trung hạn từ 14% đầu năm xuống 12% vào cuối năm.

Mối quan hệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng VCB Phú Tài luôn được củng cố trên cơ sở tin tưởng lẫn nhau nên việc vay vốn không gặp nhiều khó khăn.

Tiêu thụ sản phẩm thuận lợi hơn nhờ mở rộng thị trường đá xuất khẩu cho Thổ Nhĩ Kỳ.

b. Khó khăn:

Chi phí sản xuất cho đơn vị sản phẩm gia tăng cao do các chi phí để hoàn thành thủ tục mỏ, chi phí thuê đất, ký quỹ môi trường... tăng rất nhiều so với năm 2012 trong điều kiện sản lượng khai thác giảm so với năm 2012.

Các loại chi phí thuộc về định phí gia tăng cao trong điều kiện sản lượng khai thác và chế biến không tăng.

Chi phí quản lý và chi phí sản xuất chung quá cao do trong năm 2013 việc tái cơ cấu nhân sự chưa thực hiện triệt để, bộ máy công kênh ngoài việc làm tăng chi phí còn làm giảm hiệu suất lao động.

Ngoại trừ hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm đá granite trắng Phù Mỹ và mỏ nghiền sàng Nhơn Hòa, hoạt động SX-KD các đơn vị Núi I, Chi nhánh Quảng Nam và mỏ nghiền sàng Núi Giáng đều thua lỗ.

2.2. Hiện trạng và nguyên nhân tác động đến nền tài chính công ty 2013

Tình hình tài chính công ty đang ở trong giai đoạn rất khó khăn do những nguyên nhân chính sau:

Sản xuất giảm do gặp khó khăn về nguyên liệu đá khối. Trong 06 tháng từ tháng 06 đến hết tháng 11/2013 bình quân sản lượng khai thác đá khối chỉ còn 115m³/tháng trong đó 15% sản lượng trên bị rong nứt nên bình quân sản lượng đá khối đưa vào chế biến chưa được 100m³/tháng tương đương sản lượng 3.000m² đá slab/tháng, doanh thu từ 3000m² đá slab (tương đương 840 triệu) chỉ đủ trang trải cho chi phí quản lý, chi phí tài chính và các khoản thuế, phí phát sinh trong tháng. Với tình hình trên công ty phải vừa lo chạy nguồn vay để vừa trả nợ vay đến hạn vừa phải trang trải chi phí hoạt động bình thường của đơn vị nên tình hình tài chính công ty rất khó khăn trong năm 2013 đồng thời còn gây khó khăn rất lớn về nguồn trả nợ đến hạn trong năm 2014.

- Các khoản chi phí tiền lương, BHXH-YT-TN chiếm tỷ trọng lớn trong phân giá trị gia tăng tuy mức lương tuyệt đối bình quân còn thấp do số lượng lao động quản lý cao.

- Số dư nợ vay ngân hàng và các tổ chức cá nhân cao.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Đã tinh giảm lực lượng lao động dôi dư, từng bước cơ cấu lại hệ thống nhân sự theo hướng hiệu quả.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Đầu tư mở rộng sản xuất nhà máy chế biến đá granite Phù Mỹ để giảm chi phí chế biến & nâng cao năng lực chế biến sản phẩm đá granite.

IV. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu HĐQT

TT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	Số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ %
1	Phạm Văn Thành	CT. HĐQT	949.987	20%
2	Nguyễn Mai Đức	UV. HĐQT	66.480	1,40%

3	Lê Văn Bạch	UV. HĐQT	54.650	1,15%
4	Lê Văn Mung	UV. HĐQT	20.000	0,42%
5	Nguyễn Đức Dũng	UV. HĐQT	0	0%

b. Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2013, HĐQT đã luôn bám sát và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết ĐHĐCĐ và điều lệ của Công ty để chỉ đạo mọi hoạt động trong SXKD và đầu tư của Công ty, thực hiện tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước.

HĐQT đã có 01 phiên họp tại Công ty vào ngày 04/05/2013 với đầy đủ các thành viên cùng BKS và Ban điều hành Công ty. Nội dung chính là Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động SXKD năm 2012, 04 tháng đầu năm 2013 và kế hoạch 2014; tình hình quyết toán tài chính 2012; công tác ĐHĐCĐ 2013.

HĐQT cũng đã ra các quyết định & phê chuẩn các tờ trình của Ban điều hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác điều hành của Công ty, cụ thể như sau:

TT	Số NQ/QĐ	Ngày ban hành	Nội dung chính
	39/TB-HĐQT	02/01/2013	Thông báo về việc chia cổ tức năm 2011
	12/TB-HĐQT	01/02/2013	TB một số chủ trương SXKD năm 2013
	35/TTr-BDS	19/03/2013	Khoan giếng tại XN đá granite Phù Mỹ
	38/QĐ-HĐQT	03/04/2013	Bổ nhiệm ông Bùi Xuân Quá làm PGĐ NM Phù Mỹ
	39/QĐ-HĐQT	03/04/2013	Bổ nhiệm ông Diệp Thế Định làm PGĐ XN Phù Mỹ
	10/05/TTr-HĐQT	10/05/2013	Thanh lý quyền SĐĐ & SHN của VP XN Phù Mỹ (cũ)
	60/QĐ-HĐQT	25/05/2013	Chấm dứt HĐLĐ đối với ông Lê Danh
	62/QĐ-HĐQT	25/05/2013	Ông Phạm Cửu Huỳnh kiêm nhiệm GD XN Phù Mỹ
	65/QĐ-HĐQT	01/06/2013	Chấm dứt HĐLĐ đối với ông Bùi Văn Đoàn
	08/06/TTr-BDS	08/06/2013	Phê duyệt kinh phí hỗ trợ gia đình nạn nhân TNLĐ
	80/QĐ-HĐQT	10/06/2013	Điều động ông Diệp Thế Định làm PP.TCHC
	99/TTr-BDS	17/07/2013	Phê duyệt kinh phí đóng góp xây dựng CSHT xã Mỹ Hòa
	115/QĐ-HĐQT	20/08/2013	QĐ đầu tư xây dựng khai thác mỏ đá Núi Chùa, Mỹ Hòa
	22/08/TTr-BDS	22/08/2013	Chấp thuận cho XN 380 đấu nối vào đường dây 22KV
	130/QĐ-BDS	24/08/2013	Nâng bậc lương cho CBCNV
	113/TTr-BDS	29/08/2013	Cử CBCNV đi học lớp KSKT mở VB2
	131/TTr-BDS	04/09/2013	Ứng hộ quỹ KH cho trường THPT Tuy Phước 1
	156/TTr-BDS	05/09/2013	Thuê MMTB nâng công suất KT đội Nhơn Hòa
	166/QĐ-HĐQT	05/11/2013	Phê duyệt TKKT khai thác mỏ đá An Trường, Nhơn Tân
	174/QĐ-HĐQT	14/11/2013	Điều động ông Nguyễn Tấn Tú làm CVTH
	193/TTr-BDS	20/11/2013	Phê duyệt chọn đơn vị kiểm toán năm 2013
	183/QĐ-HĐQT	03/12/2013	Phê duyệt TKKT khai thác mỏ đá Núi Chùa, Mỹ Hòa
	184/QĐ-HĐQT	05/12/2013	Chấm dứt HĐLĐ với ông Nguyễn Đình Tuấn

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu BKS

TT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	Số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ %
1	Đào Thanh Phong	Trưởng BKS	8.500	0,18%
2	Lê Văn Minh	UV. BKS	0	0%
3	Phạm Văn Sa	UV. BKS	51.329	1,08%

b) Hoạt động của BKS

Trong năm 2013, BKS đã tham gia đầy đủ các cuộc họp do HĐQT công ty triệu tập, tổ chức đánh giá công tác kiểm soát, xem xét tiến độ thực hiện các kế hoạch của Công ty và đề ra chương trình hoạt động thời gian tới.

BKS đã thực hiện giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình chấp hành chính sách chế độ tài chính kế toán và pháp luật của công ty, kiểm soát việc thực hiện nghị quyết ĐHCĐ và các nghị quyết của HĐQT công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban kiểm soát

TT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	Mức phụ cấp (đ/ tháng)	Ghi chú
1	Phạm Văn Thành	CT. HĐQT	1.500.000	Ngoài khoản thù lao này HĐQT và BKS không nhận thêm bất kỳ khoản thù lao nào khác.
2	Lê Văn Bạch	UV.HĐQT	1.200.000	
3	Nguyễn Mai Đức	UV.HĐQT	1.200.000	
4	Nguyễn Đức Dũng	UV.HĐQT	1.200.000	
5	Lê Văn Mung	UV.HĐQT	1.200.000	
6	Đào Thanh Phong	Trưởng BKS	900.000	
7	Lê Văn Minh	UV.BKS	700.000	
8	Phạm Văn Sa	UV.BKS	700.000	

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Ý kiến của Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC xin xem trong Báo Cáo Tài Chính (đã được kiểm toán) gửi kèm báo cáo này.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Xin xem Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán & kế toán AAC đính kèm báo cáo này.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Trung Tín